

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày: 09-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Ông Lê Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Hoàng Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2022/HSST ngày 28/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HS ngày 28/12/2022 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 tại Thanh Hóa.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Văn Huy (chết) và bà Lê Thị Hoa (chết); Vợ: Nguyễn Thị Hôn, sinh năm: 1991 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2022 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Nguyễn Hoài N, sinh năm 1992 tại C, Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Văn Vinh, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Tâm, sinh năm 1957; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/3/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Lê Kim K, sinh năm 1984 tại C, Khánh Hòa.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Thuận Thành, phường T, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N;
Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt N; Con ông Lê Phụng H, sinh năm 1960
và bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1959; Vợ: Trương Hoàng Thục Nhi, sinh năm 1984;
Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018)

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1/ Cao Văn T, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố Linh Xuân, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Có mặt)

2/ Mai Xuân T, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ninh Xuân, phường Cam Phúc N, thành phố C, tỉnh
Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

3/ Nguyễn Mộng N, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Thôn Hiệp Thanh, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

4/ Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1969

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 6A, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

5/ Mầu Thanh L, sinh năm: 2001

Nơi cư trú: Thôn Giải Phóng, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

6/ Lê Chí P, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Thôn Tân Hiệp, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Cù Văn M, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 2, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Vắng
mặt)

2/ Phan Quốc A, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Bình, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

3/ Phạm Quang V, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1/ Phạm Ngọc Minh H, sinh năm: 1995

Nơi cư trú: Thôn Tân Hiệp, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2/ Nguyễn Thị M, sinh năm: 1962

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 5B, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

3/ Nguyễn Phi L, sinh năm: 1997

Nơi cư trú: ổ dân phố Tây Sơn, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng

mặt)

4/ Nguyễn Lê Anh T, sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Bình, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

5/ Nguyễn Viết Minh P, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

6/ Nguyễn Thị Anh P, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn Tân Hiệp, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 21/06/2022, Nguyễn Văn H là người không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền làm nguồn sống chính, H đã thực hiện 06 vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố C. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/11/2021, Nguyễn Văn H mang theo 01 bộ đồ án phá khóa xe đi bộ đến khu vực phường L, thành phố C tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực bờ đìa gần trạm xử lý nước thải ở tổ dân phố Đá Bạc, phường L, thành phố C; H thấy xe mô tô hiệu Sirius màu trắng đen, biển số 79C1 – 433.75 của anh Cao Văn T đang dựng tại bờ đìa, không có người trông coi. H đi đến dùng đồ án phá khóa xe, lấy trộm xe mô tô trên rồi bỏ đi. Sau đó, H tháo bỏ biển số và điều khiển xe đi đến khu vực tổ dân phố Hòa Do 2, phường B, thành phố C bán cho Cù Văn M với giá 1.800.000 đồng. H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 77/HĐĐG ngày 24/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: xe mô tô Sirius, màu trắng đen, biển số 79C1 – 433.75, trị giá 16.800.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 08 giờ ngày 24/05/2022, H mang theo 01 bộ đồ án phá khóa xe rồi đi xe thồ đến khu vực xã TĐ, thành phố C tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực nhà máy xi măng Hà Tiên ở thôn Q, xã TĐ, thành phố C; H xuống xe và đi bộ đến khu vực phía sau nhà máy xi măng Hà Tiên thì thấy xe mô tô Sirius, màu đen xám, biển số 79C1 – 461.39 của anh Mai Xuân T đang dựng, không có người trông coi. H đi đến dùng đồ án phá khóa xe, lấy trộm xe mô tô trên rồi bỏ đi. Sau đó, H tháo bỏ biển số xe và gọi điện thoại cho Phạm Ngọc Minh Hân để bán xe. Hân nói H cho Hân xem xe. H đồng ý và điều khiển xe đi đến gặp Hân. Hân hỏi về nguồn gốc xe mô tô thì H nói mới lấy trộm ở nhà máy xi măng nên Hân không mua. Sau đó, H điều khiển xe đi đến quán nước mía trên đường Nguyễn Chí Thanh thuộc phường N, thành phố C và bán cho người đàn ông (chưa rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng. H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73/HĐĐG ngày 24/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: xe mô tô hiệu Sirius, màu đen xám, biển số 79C1 – 461.39, trị giá 17.625.000 đồng.

Vụ 3: Khoảng 15 giờ ngày 26/05/2022, H mang theo 01 bộ đồ án phá khóa xe rồi đi xe thồ đến khu vực xã TĐ, thành phố C tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực nghĩa trang Dốc Rùa thuộc thôn Hiệp Thanh, xã TĐ, thành phố C; H xuống xe và đi bộ vào trong khuôn viên nghĩa trang thì thấy xe mô tô hiệu Sirius, màu đen đỏ, biển số 79K1 – 012.54 của anh Nguyễn Mộng N đang dựng ở phía sau tượng Địa Tạng, có gắn chìa khóa trên xe, không có người trông coi. H đi đến lấy trộm xe mô tô trên rồi bỏ đi. Sau đó, H tháo bỏ biển số xe và điều khiển xe đi đến tiệm hớt tóc của Nguyễn Hoài N ở thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C. Tại đây, H hỏi N có mua xe mô tô trên không. N hỏi H về nguồn gốc xe thì H nói mới lấy trộm ở nghĩa trang thuộc xã TĐ. N đồng ý mua xe. Sau đó, H bán xe mô tô trên cho N với giá 2.400.000 đồng. Đến ngày 22/6/2022, Nguyễn Hoài N giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75/HĐĐG ngày 24/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: xe mô tô Sirius, màu đỏ đen, trị giá 7.600.000 đồng.

Vụ 4: Khoảng 10 giờ ngày 10/06/2022, H mượn xe mô tô của người tên Vinh (chưa rõ lai lịch) và mang theo 01 bộ đồ án phá khóa xe đi đến siêu thị Coopmart ở tổ dân phố Lộc Thành, phường L, thành phố C. Tại đây, H gửi xe mô tô trên tại bãi giữ xe của siêu thị. Sau đó, H đi xe thồ đến khu vực thuộc phường B, thành phố C tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà số 1239 Đại Lộ Hùng Vương thuộc tổ dân phố Hòa Do 5B, phường B, thành phố C; H thấy xe mô tô Sirius, màu xanh bạc, biển số 79C1 – 353.66 của anh Nguyễn Ngọc T đang dựng trước nhà, không có người trông coi. H xuống xe, đi bộ đến dùng đồ án phá khóa xe và lấy trộm mô tô trên rồi bỏ đi. Sau đó, H điều khiển xe đi đến khu vực nhà trọ Thành Mỹ ở phường Cam Phúc N, thành phố C gặp Nguyễn Thị Anh P. H nhờ Phương đi đến siêu thị Coopmart để lấy xe mô tô do H gửi tại bãi giữ xe trước đó. Phương đồng ý rồi đi cùng H đến siêu thị lấy xe mô tô giúp H. Sau đó, H điều khiển xe mô tô 79C1 – 353.66 đi đến khu vực cầu Trà Long 1, phường B, thành phố C tháo bỏ biển số xe.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H điều khiển xe 79C1 – 353.66 đi đến tiệm hớt tóc của Nguyễn Hoài N ở thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C. Tại đây, H gặp Lê Kim K. H hỏi K có mua xe mô tô trên không. K hỏi H về nguồn gốc xe thì H nói mới lấy trộm ở khu vực số 8 thuộc phường B. K đồng ý mua xe. Sau đó, H bán xe mô tô trên cho K với giá 3.800.000 đồng. Đến ngày 22/6/2022, Lê Kim K giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/HĐĐG ngày 24/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: xe mô tô Sirius, màu xanh bạc, trị giá 16.250.000 đồng.

Vụ 5: Khoảng 11 giờ ngày 17/06/2022, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô 72F8 – 9132, mang theo 01 bộ đồ án phá khóa xe và đi đến khu vực chợ Cam Lợi, thuộc tổ dân phố Lợi Phú, phường Cam Lợi, thành phố C tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Tại đây, H dựng xe mô tô 72F8 – 9132 trong chợ rồi đi mua chè thì thấy xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng xanh, biển số 79L9 – 4917 của anh Mầu Thanh L đang dựng trước căn nhà đang xây dựng, không có người trong coi. H đi đến dùng đồ án phá khóa xe, lấy trộm mô tô trên rồi bỏ đi. Sau đó, H điều khiển xe 79L9 – 4917 đi đến nhà của P

ở thôn Tân Hiệp, xã Đ, thành phố C để nhờ Phương đi đến chợ C lấy xe mô tô 72F8 – 9132. P hỏi về nguồn gốc của xe mô tô 79L9 – 4917 thì H nói mượn xe của bạn. P đồng ý đi lấy xe giúp H rồi đi cùng H đến chợ Cam Lợi lấy xe mô tô 72F8 – 9132.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H điều khiển xe 79L9 – 4917 đi đến nhà của Nguyễn Lê Anh T để nhờ Tuấn cầm thế xe mô tô. Tuấn dẫn H đến gặp Phan Quốc A. A hỏi H về nguồn gốc xe thì H nói xe của người khác nhờ đi cầm thế giúp. A nói chỉ mua chứ không cầm thế. H đồng ý và bán xe mô tô trên cho A với giá 2.700.000 đồng. H cho T số tiền 200.000 đồng nhưng T không nhận. H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Đến ngày 22/6/2022, Phan Quốc A giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 76/HĐĐG ngày 24/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng xanh, biển số 79L9 – 4917, trị giá 10.500.000 đồng.

Vụ 6: Khoảng 21 giờ ngày 21/06/2022, H và Nguyễn Thị Anh P đi taxi đến khu vực trung tâm thành phố C để chơi. Khi đến khu vực siêu thị Coopmart C ở tổ dân phố Lộc Thành, phường L, thành phố C thì Phương bị say xe nên H, Ph xuống xe. Lúc này, P ngồi nghỉ ngơi tại cổng siêu thị; còn H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nên đi bộ vào bên trong khuôn viên của siêu thị. Khi đến khu vực sân phía trước của siêu thị; H thấy xe mô tô hiệu Sirius, màu đen bạc, biển số 79K1 – 009.18 của anh Lê Chí P đang dựng, có gắn chìa khóa trên xe, không có người trông coi. H đi đến lấy trộm xe mô tô trên rồi điều khiển xe chở P về nhà ở thôn Tân Hiệp, xã Đ, thành phố C.

Tại đây, H mượn điện thoại của P và gọi cho Nguyễn Việt Minh P để bán xe. P nói H cho xem xe. H đồng ý và điều khiển xe đi gặp P. Trên đường đi, H tháo bỏ biển số xe tại khu vực cầu sắt thuộc thôn Tân Hiệp, xã Đ. Khi đến nhà của P ở thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C; H nói bán xe với giá 3.000.000 đồng. P không đủ tiền mua nên giới thiệu Phạm Quang V cho H. Sau đó, P gọi điện thoại cho V để hỏi về việc mua xe mô tô thì V nói cho xem xe. H điều khiển xe mô tô 79K1 – 009.18, P điều khiển xe mô tô của P đi đến nhà của Vũ ở thôn Suối Môn, xã Đ, thành phố C. Tại đây, V hỏi về giá bán, giấy tờ và biển số xe. H nói bán xe với giá 3.000.000 đồng, còn giấy tờ và biển số thì đã bị mất. V đồng ý mua xe. Sau đó, H bán xe mô tô 79K1 – 009.18 cho V với giá 3.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, H cho P số tiền 100.000 đồng và nhờ P chở H về. P đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình chở H đến khu vực cầu sắt thuộc thôn Tân Hiệp, xã Đ, thành phố C để H đi bộ về nhà. Đến ngày 22/6/2022, Phạm Quang V giao nộp xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78/HĐĐG ngày 24/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: xe mô tô hiệu Sirius, màu đen bạc, trị giá 7.350.000 đồng.

Với 6 lần phạm tội, Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt tổng giá trị là 76.125.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 98/CT-VKSCR-HS ngày 24/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa truy tố Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Hoài N, Lê Kim K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay sau khi đánh giá tính chất của vụ án, phân tích, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 04 năm đến 05 năm tù; Bị cáo Nguyễn Hoài N, Lê Kim K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Hoài N, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Lê Kim K, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án:

- Xe mô tô 79L9 – 4917 (do Phan Quốc A giao nộp); xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng xanh (do Nguyễn Hoài N giao nộp); xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng xanh (do Lê Kim K giao nộp); xe mô tô hiệu Sirius, màu đen bạc (do Phạm Quang V giao nộp): đã trả lại cho chủ sở hữu Mầu Thanh L, Nguyễn Mộng N, Nguyễn Ngọc T, Lê Chí P.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 đoạn phá khóa bằng kim loại; 01 ống điều bằng kim loại.

- Đề nghị sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.900.000 đồng đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Công an thành phố C tại kho bạc Nhà nước thành phố C.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Nguyễn Mộng N, Nguyễn Ngọc T, Mầu Thanh L, Lê Chí P, Mai Xuân T không yêu cầu bồi thường nên không xét.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bị hại Cao Văn T. Buộc Nguyễn Văn H bồi thường thiệt hại 16.800.000 đồng cho Cao Văn T.

Đối với Nguyễn Thị Anh P không bàn bạc, thỏa thuận trước với H về việc trộm cắp xe mô tô; không tham gia cùng H trộm cắp tài sản; không giúp sức cho H tiêu thụ tài sản. P biết việc Nguyễn Văn H trộm cắp xe mô tô vào các ngày 10/6/2022 và ngày 21/6/2022 nhưng không tố giác tội phạm. Tuy nhiên, tổng giá trị tài sản do H trộm cắp vào ngày 10/6/2022 và ngày 21/6/2022 là 23.600.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị Anh P không đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Cù Văn M, Phan Quốc A, Phạm Quang V có hành vi mua xe mô tô của Nguyễn Văn H nhưng không biết xe mô tô do H trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Lê Anh T giới thiệu cho H gặp A, Nguyễn Viết Minh P giới thiệu cho H gặp V để bán xe nhưng T, P không biết xe mô tô do H trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoài N, Lê Kim K khai nhận: Nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng. Các bị cáo có thực hiện những hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo H đã nhiều lần lén lút trộm cắp tài sản, bị cáo N, bị cáo K biết rõ tài sản do

H trộm cắp mà có nhưng vẫn thực hiện việc mua bán. Các bị cáo nhận tội và ăn năn hối hận về hành vi của mình, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra bị cáo H đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Cao Văn T.

Bị hại Cao Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đầy đủ, không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sự vắng mặt của bị hại Mai Xuân T, Nguyễn Mộng N, Nguyễn Ngọc T, Mầu Thanh L, Lê Chí P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cù Văn M, Phan Quốc A, Phạm Quang V và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoài N, Lê Kim K phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ buộc tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có cơ sở chứng minh từ ngày 18/11/2021 đến ngày 21/06/2022, trên địa bàn thành phố C; Nguyễn Văn H đã 06 lần trộm cắp xe mô tô của Cao Văn T, Mai Xuân T, Nguyễn Mộng N, Nguyễn Ngọc T, Mầu Thanh L, Lê Chí P với tổng giá trị tài sản là 76.125.000 đồng. H là người không có nơi cư trú ổn định, sống lang thang, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; Lê Kim K, Nguyễn Hoài N biết rõ xe mô tô do H trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua xe. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì để có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân và hám lợi, các bị cáo đã cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi của các bị cáo N, K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực hành vi, để có tiền tiêu xài cá nhân, trong một thời gian ngắn H liên tiếp thực

hiện 06 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố C, H luôn chuẩn bị công cụ phạm tội bên mình để bẻ phá khóa xe khi không có người trông coi, sau khi trộm cắp H tháo vớt biển số xe để tránh phát hiện, do đó hành vi đó của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hoài N là người có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán tiêu thụ, bị cáo N có nhân thân xấu đã bị xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn nhằm răn đe, giáo dục, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Lê Kim K là người có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán tiêu thụ, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, chưa có tiền án, tiền sự nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo, vì vậy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, giao về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong hồ sơ thể hiện các bị hại Nguyễn Mộng N, Nguyễn Ngọc T, Mầu Thanh L, Lê Chí P, Mai Xuân T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Quốc A, Phạm Quang V không yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, bị cáo H đồng ý bồi thường cho bị hại Cao Văn T số tiền 16.800.000 đồng.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 đoạn phá khóa bằng kim loại, màu xám, dài 6,7cm, một đầu dẹp nhọn, một đầu hình lục giác phi 08mm;
- 01 đoạn phá khóa bằng kim loại, màu xám, dài 3,8cm, một đầu dẹp nhọn, một đầu hình lục giác phi 08mm;
- 01 ống điều bằng kim loại, màu trắng sáng, có đầu vắn phi 08mm được quấn băng keo màu đen.

Xét thấy, các vật chứng trên là vật, công cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.900.000 đồng đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an thành phố C tại kho bạc Nhà nước thành phố C. Xét thấy số tiền trên thu giữ trên người bị cáo do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoài N;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Kim K;

Điều 106, Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Kim K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2023).

Giao bị cáo Lê Kim K cho chính quyền địa phương nơi cư trú là UBND xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Kim K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Kim K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Kim K phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho bị hại Cao Văn T số tiền 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày Cao Văn T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường mà bị cáo Nguyễn Văn H chưa thi hành xong nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn phá khóa bằng kim loại, màu xám, dài 6,7cm, một đầu dẹp nhọn, một đầu hình lục giác phi 08mm; 01 đoạn phá khóa bằng kim loại, màu xám, dài 3,8cm, một đầu dẹp nhọn, một đầu hình lục giác phi 08mm; 01 ống điều bằng kim loại, màu trắng sáng, có đầu vắn phi 08mm được quấn bằng keo màu đen. (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa Công an thành phố C và Chi cục thi hành án dân sự thành phố C).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Phòng giao dịch Hùng Vương vào số tài khoản có ghi: 39490904162900000, tại kho bạc Nhà nước thành phố C, ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Công an thành phố C.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoài N, Lê Kim K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn H còn phải nộp 840.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoài N, Lê Kim K và bị hại Cao Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại Mai Xuân T, Nguyễn Mộng N, Nguyễn Ngọc T, Mầu Thanh L, Lê Chí P, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cù Văn M, Phan Quốc A, Phạm Quang V có quyền kháng cáo phần có liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an thành phố C;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Công an Tp C
- Chi cục THADS thành phố C;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo.
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy